

Bản án số: 11/2023/HS-ST

Ngày: 16-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Thủy.

Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103.1/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh Phúc H; sinh năm: 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường C, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: / (sống lang thang); nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn X và bà: Nguyễn Thị M; vợ: Nguyễn Thị Mai S và 01 con (sinh năm 2010); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/8/1997 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 1572/HSST, ngày 29/11/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 132/2005/HSST (đã xóa án tích); bị bắt giữ ngày: 25/8/2022.

(Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh Phúc H:

Ông Nguyễn Quang V – Luật sư của Công ty Luật TNHH Đại Việt thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại:

Bà Bùi Thị V – Sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Phan L – Sinh năm: 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường P, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/4/2011, Nguyễn Thanh Phúc H điều khiển xe gắn máy biển số: 52P1- 0206 lưu thông trên đường Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10 theo hướng từ đường Sur Vạn Hạnh ra đường Cách Mạng Tháng 8 thì nhìn thấy bà Bùi Thị V đang điều khiển xe gắn máy chở bà Nguyễn Thị Tuyết (trên cổ bà Vinh có đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng); lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền của bà Vinh, nên điều khiển xe bám theo; khi đến trước số nhà 531G đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, H điều khiển xe từ phía sau vượt lên áp sát phía bên phải bà Vinh và dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ bà Vinh; sau đó, H tăng ga bỏ chạy; cùng lúc này, Tổ công tác Công an Quận 10 trên đường tuần tra chứng kiến toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của H nên truy đuổi liên tục theo H đến giao lộ đường Cách Mạng Tháng 8 và đường Hòa Hưng thì bắt được H cùng vật chứng, giải giao cho Công an Phường 13, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; đến 11 giờ 30 ngày 02/4/2011, H đã bỏ trốn khỏi trụ sở Công an Phường 13, Quận 10.

Ngày 06/5/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh Phúc H về hành vi “Cướp giật tài sản”. Ngày 23/8/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 ra Quyết định truy nã và đến ngày 25/8/2022, Công an phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định bắt giữ Nguyễn Thanh Phúc H. Ngày 28/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định phục hồi điều tra đối với Nguyễn Thanh Phúc H.

Quá trình điều tra, xác định: Nguyễn Thanh Phúc H khai nhận hành vi như trên; sau khi bị bắt về Công an Phường 13 Quận 10, lợi dụng lúc ăn cơm trưa không ai canh giữ nên đã dùng dây kẽm trong khe cửa mở khóa còng rồi bỏ trốn.

Việc đề đổi tượng trốn như trên, Công an Quận 10 đã xử lý kiểm điểm đổi với các cán bộ liên quan.

Tài sản bị chiếm đoạt: 01 dây chuyền bằng vàng 18K trọng lượng 0,97 chỉ. Tại Kết luận định giá tài sản số 3608/KL-HĐĐGTS ngày 21/10/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: tại thời điểm bị chiếm đoạt, dây chuyền của bà Vinh có trị giá 2.400.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

Đối với: 01 dây chuyền bằng vàng 18K trọng lượng 0,97 chỉ là tài sản cá nhân của bà Bùi Thị V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại cho bà Vinh.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Motorola W396 là tài sản cá nhân của H không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại cho vợ H là bà Nguyễn Thị Mai S quản lý theo nguyện vọng của H.

Đối với: 01 xe mô tô hiệu Attila biển số: 52P1-0206 là phương tiện H sử dụng để chiếm đoạt tài sản. Qua xác minh xe do ông Phan L đứng tên chủ sở hữu, năm 2005 ông Lộc bán cho một người đàn ông tên Tỷ (không rõ nhân thân, lai lịch), không có làm hợp đồng mua bán; về phía H khai mua xe tại cửa hàng trên đường Lũy Bán Bích (không nhớ tên, địa chỉ), không làm hợp đồng mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có kết quả, hiện đang tạm giữ lại.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị V đã nhận lại dây chuyền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Cáo trạng số 98/CT-VKSQ10 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Nguyễn Thanh Phúc H về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và H quả của vụ án đối với xã hội, bị hại sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) của bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo: Nguyễn Thanh Phúc H từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bào chữa:

Thông nhất với nội dung lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 về tội danh và khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả cho bị hại, bị hại cũng khai không bị thương tích gì, nên được xem như phạm tội gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội vì hoàn cảnh con còn quá nhỏ (mới mấy tháng tuổi) nên đã bỏ trốn nhiều năm, sau đó bị cáo tu thân dưỡng tính, làm ăn lương thiện, không có bất cứ hành vi vi phạm pháp luật nào; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p, g khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) xử mức án khoan hồng đối với bị cáo.

- Ý kiến của bị cáo H: Không có ý kiến gì bổ sung cho nội dung lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì.

- Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Việc thu hồi lại được tài sản và giao trả cho bị hại, bị hại cũng khai không bị thương tích gì, xét thấy trong vụ án này ngoài thiệt hại về vật chất (tài sản của bị hại) còn các thiệt hại khác đối với xã hội, nên không thể áp dụng tình tiết phạm tội gây thiệt hại không lớn đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); ngoài ra sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn nhiều năm, bị cáo tu thân dưỡng tính, làm ăn lương thiện, không có bất cứ hành vi vi phạm pháp luật nào, đây chỉ là ý thức và nghĩa vụ công dân của bị cáo, nên chưa đủ điều kiện để áp dụng là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

- Ý kiến tranh luận của người bào chữa: Giữ nguyên quan điểm bào chữa.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, vì lúc đó con còn quá nhỏ nên bị cáo mới bỏ trốn mong ở ngoài làm việc nuôi con, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người

tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thanh Phúc H thực hiện hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe mô tô có phân khối lớn, nhanh chóng công khai chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá 2.400.000 đồng; xét thấy tội danh “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) không có những quy định có lợi đối với bị cáo so với quy định Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và hành vi của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018; do vậy bị cáo bị truy tố và xét xử tương ứng theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với việc sau khi bị bắt giữ và đưa về Công an Phường 13 Quận 10 làm thủ tục chờ chuyển lên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiến hành các thủ tục tố tụng và điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, nhưng bị cáo đã bỏ trốn khỏi trụ sở Công an Phường 13 Quận 10; xét thấy bản thân H lúc đó chưa bị áp dụng biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là “Tạm giữ hoặc tạm giam”, nên chưa đủ cơ sở để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thanh Phúc H về hành vi “Trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử” theo quy định tại Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông đường phố. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt

ng nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại (do tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả ngay cho bị hại); do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do đã xóa án tích.

Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều luật áp dụng đối với bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa đã nêu trong phần tranh luận, Hội đồng xét xử cần nhận định và có ý kiến như sau: Sau khi phạm tội vì hoàn cảnh con còn quá nhỏ (mới mấy tháng tuổi) nên đã bỏ trốn nhiều năm, sau đó bị cáo tu thân dưỡng tính, làm ăn lương thiện, không có bất cứ hành vi vi phạm pháp luật nào; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào trong thời gian bỏ trốn chỉ là ý thức và nghĩa vụ của một người công dân, nên không đủ điều kiện để áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) xem xét đối với bị cáo; tuy nhiên, trong thời gian bỏ trốn sau khi phạm tội mà bị cáo không có bất cứ hành vi phạm pháp nào cũng thể hiện phần nào ý thức ăn năn hối cải của bị cáo và Hội đồng xét xử đã nhận định và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét cho bị cáo. Ngoài ra, xét thấy các nội dung quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có những quy định có lợi cho người phạm tội, nên Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo trong vụ án này.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt được, đã thu hồi và giao trả cho bị hại, phía bị hại không có yêu cầu bồi thường gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 52P1-0206 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: ATTLA, số loại: /, màu sơn: Trắng, dung tích xi lanh: 124, số khung: VDNFH125C14X-736354, số máy: HN736354); qua xác minh Phan L đứng tên chủ sở hữu, năm 2005 ông Lộc bán cho một người đàn ông tên Tỷ (không rõ nhân thân, lai lịch), không có làm hợp đồng mua bán; theo H khai mua xe tại cửa hàng trên đường Lũy Bán Bích (không nhớ tên, địa chỉ), không làm hợp đồng mua bán; nên hiện chưa xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, trong khi chiếc xe trên lại là phương tiện dùng vào việc phạm tội; do vậy giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo trong thời hạn nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận, thì đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh Phúc H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); Điều 7; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thanh Phúc H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Phúc H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2022.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015; giao Chi cục thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo với thời hạn 12 tháng đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 52P1-0206 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: ATTLA, số loại: /, màu sơn: Trắng, dung tích xi lanh: 124, số khung: VDNFH125C14X-736354, số máy: HN736354), để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, trong thời hạn trên kể từ ngày đăng báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/12/2022 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 10; (5)
- Công an Quận 10; (2)
- Chi cục THADS Quận 10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật